

Số: 19 /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Xét Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương là 6.694 tỷ 430 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung: 552 tỷ 430 đồng triệu đồng;
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 5.142 tỷ đồng;
- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.000 tỷ đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp)

II. Phương án phân bổ: 6.694 tỷ 430 triệu đồng, bao gồm:

- 1.1. Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung: 552 tỷ 430 triệu đồng.
Trong đó:
- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 321 tỷ 615 triệu đồng;
(quy định tại Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020);
 - Thực hiện dự án: 230 tỷ 815 triệu đồng;
 - + Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 104 tỷ 315 triệu đồng;
 - + Dự án khởi công mới năm 2024: 126 tỷ 500 triệu đồng.
- 1.2. Vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 5.142 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 810 tỷ đồng;
(thu của các huyện, thị xã, thành phố để chi xây dựng cơ bản theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021)
 - Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025: 18 tỷ đồng;
 - Thực hiện dự án: 4.314 tỷ đồng;
 - + Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 2.515 tỷ đồng;
 - + Dự án khởi công mới năm 2024: 1.799 tỷ đồng.
- 1.3. Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.000 tỷ đồng, trong đó:
- Trả nợ vay ODA (dự án Minh Lập - Lộc Hiệp) 16 tỷ 070 triệu đồng;
 - Thực hiện dự án: 744 tỷ 930 triệu đồng;
 - + Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 706 tỷ 930 triệu đồng;
 - + Dự án khởi công mới năm 2024: 38 tỷ đồng;
 - Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 159 tỷ đồng;
 - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 30 tỷ đồng;
 - Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 20 tỷ đồng;
 - Vốn chuẩn bị đầu tư: 10 tỷ đồng;
 - Tất toán công trình đã quyết toán: 20 tỷ đồng.

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 537 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 53,7%; bố trí vốn cho xây dựng nông thôn mới là 159 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 15,9% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

(Kèm theo biểu số 1)



Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phan*



Huỳnh Thị Hằng





BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2023		Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023			Ước thực hiện cả năm 2023			Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024
			TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		
						TW giao	Tỉnh giao		TW giao	Tỉnh giao		TW giao	Tỉnh giao	
	TỔNG SỐ	39.824.811	7.424.731	5.755.631	1.405.230	18,9	24,4	1.954.484	26,3	34,0	5.470.484	73,7	95,0	6.694.430
I	Vốn ngân sách trung ương	6.538.565	998.121	824.121	116.821	11,7	14,2	244.000	24,4	29,6	810.000	81,2	98,3	
1	Vốn trong nước	6.269.665	998.121	824.121	116.821	11,7	14,2	244.000	24,4	29,6	810.000	81,2	98,3	
	Trong đó:													
1	Các Chương trình mục tiêu	4.763.034	470.000	470.000	83.188	17,7	17,7	200.000	42,6	42,6	465.000	98,9	98,9	
2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	1.332.631	354.121	354.121	33.633	9,5	9,5	44.000	12,4	12,4	345.000	97,4	97,4	
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	793.410	201.962	201.962	20.870	10,3	10,3	23.500	11,6	11,6	195.921	97,0	97,0	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.111	3.079	3.079				500	16,2	16,2	3.079	100,0	100,0	
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	529.110	149.080	149.080	12.763	8,6	8,6	20.000	13,4	13,4	146.000	97,9	97,9	
3	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	174.000	174.000											
2	Vốn nước ngoài	268.900												
II	Vốn ngân sách địa phương	33.286.246	6.426.610	4.931.510	1.288.409	20,0	26,1	1.710.484	26,6	34,7	4.660.484	72,5	94,5	6.694.430
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.693.600	502.210	502.210	213.610	42,5	42,5	310.000	61,7	61,7	470.000	93,6	93,6	552.430
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	25.748.369	5.000.000	3.514.900	803.030	16,1	22,8	1.000.000	20,0	28,5	3.320.000	66,4	94,5	5.142.000
2.1	Khối tỉnh			1.981.200										4.332.000
2.2	Khối huyện			1.533.700										810.000
3	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	4.680.415	900.000	890.000	271.285	30,1	30,5	400.000	44,4	44,9	870.000	96,7	97,8	1.000.000
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	112.100	24.400	24.400	484	2,0	2,0	484	2,0	2,0	484	2,0	2,0	



Biểu số 1

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

DVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
	Tổng số		41.949.986	24.442.146	11.009.724	6.694.430	552.430	5.142.000	1.000.000	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố			8.967.024	6.193.132	1.131.615	321.615	810.000	-	
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	64.860	33.000	16.070			16.070	Sở Tài chính
C	Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025		140.000	28.000		18.000		18.000		
D	Vốn thực hiện dự án		41.454.429	13.552.500	3.255.314	5.289.745	230.815	4.314.000	744.930	
D1	Dự án chuyên tiếp		11.238.609	9.383.200	3.238.314	3.326.245	104.315	2.515.000	706.930	
I	Giao thông - vận tải và Hạ tầng đô thị		9.282.609	6.822.800	1.864.784	2.417.500	-	2.417.500	-	
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (đối ứng NSTW)	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000	65.685	125.972		125.972		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư (đối ứng NSTW)	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	47.000	20.000	27.000		27.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	142.930	76.000		76.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	65.600	24.400		24.400		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường kết nối ngang QL 14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	76.000	14.000		14.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
6	Nâng cấp, mở rộng QL 14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	1.305.000	21.769	300.000		300.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng đường phía Tây QL 13 kết nối Bàu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	396.000	51.999	100.000		100.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1, 2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	405.000	77.500	100.000		100.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	116.000	59.000		59.000		UBND TP Đồng Xoài
10	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	10.352	21.440		21.440		UBND thành phố Đồng Xoài
11	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	42.000	70.000		70.000		UBND huyện Đồng Phú
12	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	35.550	50.000		50.000		UBND huyện Đồng Phú
13	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	150.000	84.000		84.000		UBND huyện Đồng Phú
14	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	2.000	22.200		22.200		UBND huyện Đồng Phú
15	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	70.000	70.000		70.000		UBND huyện Hớn Quản
16	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	31.000	14.000		14.000		UBND huyện Hớn Quản
17	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	25.000	70.000		70.000		UBND huyện Hớn Quản

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
18	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	32.484	66.510		66.510		UBND huyện Hớn Quản
19	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	100.000	90.000	1.000	40.000		40.000		UBND huyện Hớn Quản
20	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000	895	41.100		41.100		UBND thị xã Chơn Thành
21	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	54.000	520	28.480		28.480		UBND thị xã Chơn Thành
22	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối khu công nghiệp Becamex	3157/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	120.000	108.000	1.000	70.000		70.000		UBND thị xã Chơn Thành
23	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	45.660	56.340		56.340		UBND TX Bình Long
24	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	25.580	53.720		53.720		UBND TX Bình Long
25	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	30.000	42.000		42.000		UBND TX Phước Long
26	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	30.000	24.000		24.000		UBND TX Phước Long
27	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	28.500	25.500		25.500		UBND TX Phước Long
28	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	25.000	20.000		20.000		UBND TX Phước Long
29	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	16.000	11.000		11.000		UBND huyện Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
30	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	14.700	12.300		12.300		UBND huyện Lộc Ninh
31	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	24.000	16.500		16.500		UBND huyện Lộc Ninh
32	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	60.000	54.000	-	44.000		44.000		UBND huyện Lộc Ninh
33	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	51.000	21.000		21.000		UBND huyện Bù Đăng
34	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	36.000	7.000	29.000		29.000		UBND huyện Bù Đăng
35	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	988/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	30.000	27.000	1.000	22.000		22.000		UBND huyện Bù Đăng
36	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	65.000	16.000		16.000		UBND huyện Bù Gia Mập
37	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thăng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	28.000	26.000		26.000		UBND huyện Bù Gia Mập
38	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ó (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	90.000	45.000		45.000		UBND huyện Bù Gia Mập
39	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500	24.532	35.968		35.968		UBND huyện Bù Gia Mập
40	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đàu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	81.000	1.000	50.000		50.000		UBND huyện Bù Gia Mập
41	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	27.000	22.500		22.500		UBND huyện Bù Đốp

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
42	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500	35.000	19.500		19.500		UBND huyện Bù Đốp
43	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đôn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	21.000	50.000		50.000		UBND huyện Bù Đốp
44	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	16.000	46.100		46.100		UBND huyện Bù Đốp
45	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	33.528	74.470		74.470		UBND huyện Phú Riềng
46	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thăng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	22.000	17.000		17.000		UBND huyện Phú Riềng
47	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quán)	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	28.000	48.000		48.000		UBND huyện Phú Riềng
48	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	110.000	70.000		70.000		UBND huyện Phú Riềng
49	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	26.000	45.500		45.500		UBND huyện Phú Riềng
II	Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế		250.000	225.000	137.200	79.800		79.800		
1	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	30.500	14.500		14.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	34.000	11.000		11.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	14.000	23.000		23.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	27.000	18.000		18.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	
5	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	31.700	13.300		13.300		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		20.000	18.000	13.000	5.000	-	5.000	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	13.000	5.000		5.000		Chi cục Kiểm Lâm
IV	Giáo dục và Đào tạo		730.000	1.454.000	978.570	419.000	-	-	419.000	
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	110.000	90.250	17.000			17.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	59.320	157.000			157.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Hỗ trợ các huyện xây dựng 1.200 phòng học			840.000	665.000	175.000			175.000	
4	Xây dựng trường mầm non Đông Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000	20.000	7.000			7.000	UBND huyện Hớn Quản
5	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000	20.000	7.000			7.000	UBND huyện Bù Đốp
6	Xây dựng trường Tiểu học Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000	20.000	7.000			7.000	UBND huyện Bù Đốp
7	Xây dựng trường Trung học phổ thông Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	98.000	37.000			37.000	UBND TX Bình Long
8	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000	6.000	12.000			12.000	UBND huyện Bù Đăng
9	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1536/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	20.000	18.000	5.000	13.000			13.000	UBND huyện Bù Đăng
V	Y tế		150.000	135.000	1.660	100.000	-	-	100.000	
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	135.000	1.660	100.000			100.000	Sở Y tế

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
VI	Văn hóa xã hội		330.000	297.000	178.100	89.815	89.815	-	-	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000	80.572	34.815	34.815			Đài PTTH và Báo Bình Phước
3	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	81.528	25.000	25.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	72.000	16.000	30.000	30.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		476.000	431.400	65.000	215.130	14.500	12.700	187.930	
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	446.000	401.400	50.000	200.630		12.700	187.930	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP		30.000	30.000	15.000	14.500	14.500			Công an tỉnh
D2	Dự án khởi công mới		30.215.820	4.169.300	17.000	1.963.500	126.500	1.799.000	38.000	
I	Giao thông - vận tải và Hạ tầng đô thị		29.058.000	3.483.100	-	1.679.000	50.000	1.629.000	-	
1	Xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành		1.474.000	314.000		314.000		314.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)		25.540.000	1.233.500		480.000		480.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn ĐT753 - ranh Bình Dương)		960.000	960.000		500.000		500.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I	2105/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	120.000	108.000		50.000		50.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riêng Đỏ	813/QĐ-UBND ngày 05/5/2022	300.000	270.000		100.000		100.000		UBND thành phố Đồng Xoài
6	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 thị trấn Chơn thành đến KCN Chơn Thành	79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	100.000	90.000		50.000	50.000			UBND thị xã Chơn Thành

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMBT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
7	Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối tuyến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13)	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	80.000	72.000		15.000		15.000		UBND thị xã Chơn Thành
8	Xây dựng đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT756 và ĐT759B	1459/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	80.000	72.000		35.000		35.000		UBND huyện Lộc Ninh
9	Xây dựng đường Tà Thiêt - Hoa Lư kết nối đường phía Tây QL13	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	100.000	90.000		30.000		30.000		UBND huyện Lộc Ninh
10	Đường và cầu từ xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	1139/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	65.000	58.500		20.000		20.000		UBND huyện Bù Gia Mập
11	Xây dựng đường liên xã từ Phú Nghĩa đi Phú Văn	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	54.000	48.600		15.000		15.000		UBND huyện Bù Gia Mập
12	Xây dựng đường liên xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng tới xã Đăk Ngo, Tuy Đức	1145/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	50.000	45.000		20.000		20.000		UBND huyện Bù Đăng
13	Xây dựng đường liên xã Phú Sơn - Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1231/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	30.000	27.000		15.000		15.000		UBND huyện Bù Đăng
14	Xây dựng đường liên xã Thống nhất đi xã Phước Sơn huyện Bù Đăng	1430/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	65.000	58.500		15.000		15.000		UBND huyện Bù Đăng
15	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp Long Tân - Long Hà	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	40.000	36.000		20.000		20.000		UBND huyện Phú Riềng
II	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		919.820	471.500	17.000	155.000	15.000	140.000		-
1	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu- Thành phần tỉnh Bình Phước (2 trạm bơm và các kênh dẫn nước) (đối ứng ODA)	631/QĐ-TTg ngày 20/5/2022	604.820	156.000		50.000		50.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000	17.000	15.000	15.000			Liên minh HTX

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
3	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak Tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	2056/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	140.000	126.000		50.000		50.000		UBND thị xã Phước Long
4	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc tấn đến cầu Chế Biên)	08/QĐ-UBND ngày 04/01/2023	100.000	90.000		40.000		40.000		UBND huyện Lộc Ninh
5	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bù Đăng	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	75.000	67.500		-				UBND huyện Bù Đăng
III	Giáo dục và Đào tạo		55.000	49.500	-	28.000	-	10.000	18.000	
1	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Thái	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	20.000	18.000		18.000			18.000	UBND huyện Lộc Ninh
2	Xây dựng Trường mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	35.000	31.500		10.000		10.000		UBND huyện Phú Riềng
IV	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		55.000	50.000	-	50.000	30.000	-	20.000	
1	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	1922/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	55.000	50.000		50.000	30.000		20.000	Công an tỉnh
V	Quốc phòng - An ninh		128.000	115.200	-	51.500	31.500	20.000	-	
1	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	28/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	43.000	38.700		10.000		10.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Sở chỉ huy thống nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GĐ1	11/NQ-HDND ngày 13/7/2020	50.000	45.000		10.000		10.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	35.000	31.500		31.500	31.500			Công an tỉnh
E	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đổi ứng NSTW)			1.295.000	1.136.000	159.000			159.000	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
F	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Đối ứng NSTW)			250.000	161.000	30.000			30.000	Giao Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở LĐTBXH và Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn
G	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đối ứng NSTW)			80.000	36.000	20.000			20.000	Giao Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
H	Vốn chuẩn bị đầu tư									
I	Tất toán công trình đã quyết toán			78.387	45.960	10.000			10.000	
				154.375	149.318	20.000			20.000	